

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 17-3-2022.
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Bình.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Huỳnh và ông Nguyễn Ngọc
Giang San.

- Thư ký phiên toà: Ông Lò Văn Lâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện
Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
tham gia phiên toà:** Ông Lê Trọng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành,
tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 335/2021/TLST-
HNGĐ ngày 06/5/2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2022
và Quyết định hoãn phiên toà số 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/02/2022 giữa
các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Đình T, sinh năm 1975; HKTT: Tổ 9, ấp T, xã T,
thị xã B, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở hiện nay: Số 80, đường Hùng Vương, phường
A, B, Bình Phước.

Bị đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1982; Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Tổ 12,
khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Anh T, chị N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ
sơ vụ án, nguyên đơn anh Đỗ Đình T trình bày:*

Anh và chị Lê Thị N tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau có đăng
ký kết hôn và được UBND thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng
Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyền số I/06 ngày 09/5/2006.

Trong quá trình chung sống anh, chị luôn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên
nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau.
Do mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị N đã bỏ đi từ năm 2016

và biệt tích cho đến nay không có tin tức. Anh T đã áp dụng các biện pháp tìm kiếm nhưng không ai biết hiện nay chị N đang ở đâu. Anh T đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố một người mất tích đối với chị Nga, đã thực hiện thủ tục đăng, phát thông báo tìm kiếm chị N trên báo và Đài phát thanh Trung ương trong ba kỳ liên tục theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hết thời hạn 04 tháng kể từ ngày đăng, phát thông báo tìm kiếm nhưng vẫn không có tin tức gì của chị N. Ngày 02/02/2021, Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định giải quyết việc dân sự số: 03/2021/QĐST-DS về việc tuyên bố chị N mất tích. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Đỗ Lê Anh P, sinh ngày 26/3/2006 và Đỗ Lê Bảo L, sinh ngày 16/10/2008. Sau khi ly hôn anh T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị N đã được niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí buộc nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Anh T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị Lê Thị N, sinh năm 1982; Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Tổ 12, khu K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm

a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn anh T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có yêu cầu phản tố, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị N tự nguyện yêu thương chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyền số I/06 ngày 09/5/2006 theo đúng quy định tại các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên xác nhận hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

2.2. Xét yêu cầu ly hôn của anh T:

Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị N đã bỏ đi từ năm 2016 và biệt tích cho đến nay không có tin tức gì. Anh T đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố một người mất tích đối với chị N. Ngày 02/02/2021, Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định giải quyết việc dân sự số: 03/2021/QĐST-DS về việc tuyên bố chị N mất tích. Quyết định này không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật để thi hành.

Chị N đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị N. Căn cứ vào khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX xét thấy yêu cầu của anh T về việc xin ly hôn với chị N là có cơ sở để chấp nhận.

2.3. Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Đỗ Lê Anh P, sinh ngày 26/3/2006 và Đỗ Lê Bảo L, sinh ngày 16/10/2008. Sau khi ly hôn anh T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Xét lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện anh T có đủ các điều kiện để nuôi dưỡng 02 con chung, đồng thời hiện nay chị N đã mất tích, từ khi chị N biệt tích từ năm 2016 đến nay, các con chung đều do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, các cháu phát triển khỏe mạnh, bình thường. Đồng thời tại lời khai của các cháu P, L có tại hồ sơ vụ án, các cháu đều có nguyện vọng được anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu anh T về việc yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là có cơ sở để chấp nhận.

2.4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có, bị đơn không có ý kiến, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc anh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là phù hợp với nhận định của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 9, Điều 11, khoản 2 Điều 89, 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Các Điều 51, Điều 53, khoản 2 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đỗ Đình T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về hôn nhân: Cho anh Đỗ Đình T được ly hôn với chị Lê Thị N.

2. Về con chung: Giao cho anh Đỗ Đình T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung tên Đỗ Lê Anh P, sinh ngày 26/3/2006 và Đỗ Lê Bảo L, sinh ngày 16/10/2008. Tạm thời chị Lê Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị N thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đỗ Đình T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0005205 ngày 28/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Anh T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Đỗ Đình T, chị Lê Thị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- UBND thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Long Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bình

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- UBND Phường 8, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Long Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bình

